ÔN TẬP CHƯƠNG IX

A-Trắc nghiệm

Câu 1. Một hộp có bốn loại bi: bi xanh, bi đỏ, bi trắng và bi vàng. Lấy ngẫu nhiên ra một viên bi. Gọi E là biến cố: "Lấy được viên bi đỏ". Biến cố đối của E là biến cố

A. Lấy được viên bi xanh.

B. Lấy được viên bi vàng hoặc bi trắng.

C. Lấy được viên bi trắng.

D. Lấy được viên bi vàng hoặc bi trắng hoặc bi xanh.

Câu 2. Rút ngẫu nhiên ra một thẻ từ một hộp có 30 tấm thẻ được đánh số từ 1 đến 30. Xác suất để số trên tấm thẻ được rút ra chia hết cho 5 là:

A. $\frac{1}{30}$ **B.** $\frac{1}{5}$ **C.** $\frac{1}{3}$ **D.** $\frac{2}{5}$.

Câu 3. Gieo hai con xúc xắc cân đối. Xác suất để tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc không lớn hơn 4 là

A. $\frac{1}{7}$ **B.** $\frac{1}{6}$ **C.** $\frac{1}{8}$ **D.** $\frac{2}{9}$.

Câu 4. Một tổ trong lớp $10T$ có 4 bạn nữ và 3 bạn nam. Giáo viên chọn ngẫu nhiên hai bạn trong tổ đó tham gia đội làm báo của lớp. Xác suất để hai bạn được chọn có một bạn nam và một bạn nữ là

A. $\frac{4}{7}$ **B.** $\frac{2}{7}$ **C.** $\frac{1}{6}$ **D.** $\frac{2}{21}$.

Câu 5. Xếp ngẫu nhiên ba bạn An, Bình, Cường đứng trên một hàng dọc.

a) Xác suất để An không đứng cuối hàng là

A. $\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{1}{3}$. **C.** $\frac{3}{5}$. **D.** $\frac{2}{5}$.

b) Xác suất để Bình và Cường đứng cạnh nhau là

A. $\frac{1}{4}$. **B.** $\frac{2}{3}$. **C.** $\frac{2}{5}$. **D.** $\frac{1}{2}$.

c) Xác suất để An đứng giữa Bình và Cường là

A. $\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{1}{3}$. **C.** $\frac{3}{5}$. **D.** $\frac{2}{5}$.

d) Xác suất để Bình đứng trước An là

A. $\frac{1}{4}$. **B.** $\frac{2}{3}$. **C.** $\frac{2}{5}$. **D.** $\frac{1}{2}$.

Câu 6. Một cái túi đựng 3 viên bi đỏ, 5 viên bi xanh và 6 viên bi vàng. Chọn ngẫu nhiên 3 viên bi. Xác suất để chọn được 3 viên bi màu đỏ là

A. $\frac{1}{364}$. **B.** $\frac{1}{14}$. **C.** $\frac{1}{182}$. **D.** $\frac{1}{95}$.

Câu 7. Gieo hai con xúc xắc cân đối.

a) Xác suất để có đúng 1 con xúc xắc xuất hiện mặt 6 chấm là

A. $\frac{11}{36}$. **B.** $\frac{1}{3}$. **C.** $\frac{5}{18}$. **D.** $\frac{4}{9}$.

b) Xác suất để tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc nhỏ hơn hoặc bằng 7 là

A. $\frac{11}{36}$. **B.** $\frac{7}{12}$. **C.** $\frac{5}{11}$. **D.** $\frac{4}{9}$.

Câu 8. Chọn ngẫu nhiên 5 số trong tập $S=\{1;2;\ldots;20\}$. Xác suất để cả 5 số được chọn không vượt quá 10 xấp xỉ là

A. 0,016. **B.** 0,013. **C.** 0,014. **D.** 0,015.

Câu 9. Chọn ngẫu nhiên 5 học sinh trong một danh sách được đánh số thứ tự từ 1 đến 199.
a) Xác suất để cả 5 học sinh được chọn có số thứ tự nhỏ hơn 100 xấp xỉ là
A. 0,028. **B.** 0,029. **C.** 0,027. **D.** 0,026.
b) Xác suất để cả 5 học sinh được chọn có số thứ tự lớn hơn 149 xấp xỉ là
A. 0,00089. **B.** 0,00083. **C.** 0,00088. **D.** 0,00086.

Câu 10. Một túi đựng 3 viên bi trắng và 5 viên bi đen. Chọn ngẫu nhiên 3 viên bi. Xác suất để trong 3 viên bi đó có cả bi trắng và bi đen là
A. $\frac{13}{15}$. **B.** $\frac{9}{11}$. **C.** $\frac{43}{56}$. **D.** $\frac{45}{56}$.

Câu 11. Mũi tên của bánh xe trong trò chơi "Chiếc nón kì diệu" có thể dừng lại ở một trong 7 vị trí. Người chơi được quay 3 lần. Xác suất để mũi tên dừng lại ở ba vị trí khác nhau là
A. $\frac{30}{49}$. **B.** $\frac{29}{50}$. **C.** $\frac{3}{5}$. **D.** $\frac{7}{11}$.

Câu 12. Gieo đồng thời hai con xúc xắc cân đối. Xác suất để số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc hơn kém nhau 2 là
A. $\frac{5}{22}$. **B.** $\frac{1}{5}$. **C.** $\frac{2}{9}$. **D.** $\frac{7}{34}$.

Câu 13. Chọn ngẫu nhiên hai số từ tập hợp $S=\{1;2;\ldots;19\}$ rồi nhân hai số đó với nhau. Xác suất để kết quả là một số lẻ là
A. $\frac{9}{19}$. **B.** $\frac{10}{19}$. **C.** $\frac{4}{19}$. **D.** $\frac{5}{19}$.

Câu 14. Gieo ba con xúc xắc cân đối và đồng chất. Xác suất để số chấm xuất hiện trên mặt của ba con xúc xắc khác nhau là
A. $\frac{5}{9}$. **B.** $\frac{4}{9}$. **C.** $\frac{7}{9}$. **D.** $\frac{2}{9}$.

Câu 15. Một khách sạn có 6 phòng đơn. Có 10 khách thuê phòng trong đó có 6 nam và 4 nữ. Người quản lí chọn ngẫu nhiên 6 người cho nhận phòng.
a) Xác suất để cả 6 người là nam là
A. $\frac{11}{210}$. **B.** $\frac{1}{105}$. **C.** $\frac{1}{210}$. **D.** $\frac{7}{210}$.
b) Xác suất để có 4 nam và 2 nữ là
A. $\frac{2}{7}$. **B.** $\frac{3}{7}$. **C.** $\frac{4}{7}$. **D.** $\frac{5}{7}$.
c) Xác suất để có ít nhất 3 nữ là
A. $\frac{17}{42}$. **B.** $\frac{23}{42}$. **C.** $\frac{25}{42}$. **D.** $\frac{19}{42}$.

Câu 16. Một hộp có 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ra ngẫu nhiên đồng thời 2 viên bi. Xác suất của biến cố " 2 viên bi lấy ra đều là bi xanh" là:
A. $\frac{1}{2}$; **B.** $\frac{1}{3}$; **C.** $\frac{1}{5}$; **D.** $\frac{1}{6}$.

Câu 17. Gieo 2 con xúc xắc cân đối và đồng chất. Xác suất để tích số chấm xuất hiện bằng 7 là:
A. 0 ; **B.** $\frac{1}{36}$; **C.** $\frac{1}{7}$; **D.** $\frac{1}{6}$;

Câu 18. Tung 3 đồng xu cân đối và đồng chất. Xác suất để có ít nhất một đồng xu xuất hiện mặt sấp là:
A. $\frac{1}{2}$; **B.** $\frac{7}{8}$; **C.** $\frac{1}{3}$; **D.** $\frac{1}{4}$.

Câu 19. Một hộp chứa 2 loại bi xanh và đỏ. Lấy ra ngẫu nhiên từ hộp 1 viên bi. Biết xác suất lấy được bi đỏ là 0,3. Xác suất lấy được bi xanh là:
A. 0,3; **B.** 0,5 ; **C.** 0,7 ; **D.** 0,09.

Câu 20. Gieo một con xúc xắc bốn mặt cân đối và đồng chất ba lần. Xác suất xảy ra biến cố "Có ít nhất một lần xuất hiện đỉnh ghi số 4" là:

A. $\frac{1}{4}$; **B.** $\frac{27}{64}$; **C.** $\frac{37}{64}$ **D.** $\frac{3}{4}$.

Câu 21. Chọn ra ngẫu nhiên 2 người từ 35 người trong lớp của Hùng. Xác suất xảy ra biến cố "Hùng được chọn" là:

A. $\frac{2}{35}$; **B.** $\frac{1}{34}$; **C.** $\frac{1}{35}$; **D.** $\frac{1}{17}$.

Câu 22. Xếp 4 quyển sách toán và 2 quyển sách văn thành một hàng ngang trên giá sách một cách ngẫu nhiên. Xác suất xảy ra biến cố " 2 quyển sách văn không được xếp cạnh nhau" là:

A. $\frac{1}{3}$; **B.** $\frac{2}{3}$; **C.** $\frac{1}{2}$; **D.** $\frac{1}{5}$.

Câu 23. Cô giáo chia tổ của Lan và Phương thành hai nhóm, mỗi nhóm gồm 4 người để làm việc nhóm một cách ngẫu nhiên. Xác suất của biến cố Lan và Phương thuộc cùng một nhóm là:

A. $\frac{1}{2}$; **B.** $\frac{1}{3}$; **C.** $\frac{4}{7}$; **D.** $\frac{3}{7}$.

Câu 24. Tung một đồng xu hai lần liên tiếp. Xác suất của biến cố "Kết quả của hai lần tung là khác nhau" là:

A. $\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{1}{4}$. **C.** $\frac{3}{4}$. **D.** $\frac{1}{3}$.

Câu 25. Gieo một xúc xắc hai lần liên tiếp. Xác suất của biến cố "Tích số chấm trong hai lần gieo là số chẵn" bằng

A. $\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{1}{4}$. **C.** $\frac{3}{4}$. **D.** $\frac{1}{3}$.

Câu 26. Bác Ngân có một chiếc điện thoại cũ để mật khẩu 6 chữ số. Bác đã quên mật khẩu chính xác và chỉ nhớ các chữ số đó là đôi một khác nhau. Xác suất để bác Ngân bấm đúng mật khẩu của chiếc điện thoại cũ đó trong một lần là:

A. $\frac{1}{A_{10}^6}$. **B.** $\frac{1}{C_{10}^6}$. **C.** $\frac{A_{10}^6}{6!}$. **D.** $\frac{6!}{A_{10}^6}$.

B- Tự luận

Câu 27. Trong một hội thảo quốc tế có 10 chuyên gia đến từ các nước ở châu Á, 12 chuyên gia đến từ các nước ở châu Âu. Chọn ngẫu nhiên 2 chuyên gia vào ban tổ chức. Xác suất của biến cố "Chọn được 2 chuyên gia ở hai châu lục khác nhau vào ban tổ chức" bằng bao nhiêu?

Câu 28. Trong một buổi khiêu vũ có đúng 10 cặp vợ chồng. Chọn ngẫu nhiên 2 người lên khiêu vũ đầu tiên. Xác suất của biến cố "Chọn được 2 người là vợ chồng" bằng bao nhiêu?

Câu 29. Một lô hàng có 20 sản phẩm bao gồm 16 chính phẩm và 4 phế phẩm. Chọn ngẫu nhiên 3 sản phẩm.

a. Có bao nhiêu kết quả xảy ra khi chọn ngẫu nhiên 3 sản phẩm?

b. Xác suất của biến cố "Cả 3 sản phẩm được chọn là chính phẩm" bằng bao nhiêu?

Câu 30. Trong một hộp có 20 chiếc thẻ cùng loại được viết các số $1,2,3,\ldots,20$ sao cho mỗi thẻ chỉ viết một số và hai thẻ khác nhau viết hai số khác nhau. Chọn ngẫu nhiên 2 chiếc thẻ. Tính xác suất của biến cố "Hai thẻ được chọn có tích của hai số được viết trên đó là số lẻ.

Câu 31. Một hộp đựng bảy thẻ màu xanh đánh số từ 1 đến 7 ; năm thẻ màu đỏ đánh số từ 1 đến 5 và hai thẻ màu vàng đánh số từ 1 đến 2. Rút ngẫu nhiên ra một tấm thẻ.

a. Mô tả không gian mẫu.

b. Mỗi biến cố sau là tập con nào của không gian mẫu?

A: "Rút ra được thẻ màu đỏ hoặc màu vàng";

B: "Rút ra được thẻ mang số hoặc là 2 hoặc là 3 ".

Câu 32. Có hộp I và hộp II, mỗi hộp chứa 5 tấm thẻ đánh số từ 1 đến 5. Từ mỗi hộp, rút ngẫu nhiên ra một tấm thẻ. Tính xác suất để thẻ rút ra từ hộp II mang số lớn hơn số trên thẻ rút ra từ hộp I.

Câu 33. Gieo đồng thời hai con xúc xắc cân đối. Tính xác suất để:

a. Tổng số chấm trên hai con xúc xắc bằng 8 ;
b. Tổng số chấm trên hai con xúc xắc nhỏ hơn 8.

Câu 34. Dự báo thời tiết trong ba ngày thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư của tuần sau cho biết, trong mỗi ngày này, khả năng có mưa và không mưa như nhau.
a. Vẽ sơ đồ hình cây mô tả không gian mẫu.
b. Tính xác suất của các biến cố:
F: "Trong ba ngày, có đúng một ngày có mưa";
G: "Trong ba ngày, có ít nhất hai ngày không mưa".

Câu 35. Gieo một đồng xu cân đối liên tiếp bốn lần.
a. Vẽ sơ đồ hình cây mô tả không gian mẫu.
b. Tính xác suất để trong bốn lần gieo đó có hai lần xuất hiện mặt sấp và hai lần xuất hiện mặt ngửa.

Câu 36. Chọn ngẫu nhiên 4 viên bi từ một túi đựng 4 viên bi đỏ và 6 viên bi xanh đôi một khác nhau. Gọi A là biến cố: "Trong bốn viên bi đó có cả bi đỏ và cả bi xanh". Tính $P(A)$ và $P(\overline{A})$.

Câu 37. Gieo ba con xúc xắc cân đối. Tính xác suất để tổng số chấm xuất hiện trên ba con xúc xắc bằng 7.

Câu 38. Một cửa hàng bán ba loại kem: xoài, sô cô la và sữa. Một học sinh chọn mua ba cốc kem một cách ngẫu nhiên. Tính xác suất để ba cốc kem chọn được thuộc hai loại.

Câu 39. Hai thầy trò đến dự một buổi hội thảo. Ban tổ chức xếp ngẫu nhiên 6 đại biểu trong đó có hai thầy trò ngồi trên một chiếc ghế dài. Tính xác suất để hai thầy trò ngồi cạnh nhau.

Câu 40. Có ba cặp vợ chồng, trong đó có hai vợ chồng ông bà An đến dự một bữa tiệc. Họ được xếp ngẫu nhiên ngồi xung quanh một chiếc bàn tròn.
a) Không gian mẫu có bao nhiêu phần tử.
Hai cách xếp chỗ ngồi quanh bàn tròn được coi là như nhau nếu đối với mỗi người A trong nhóm, trong hai cách xếp đó, người ngồi bên trái A và bên phải A không thay đổi.
b) Tính xác suất để hai vợ chồng ông bà An ngồi cạnh nhau.

Câu 41. Một chiếc hộp đựng 6 quả cầu trắng, 4 quả cầu đỏ và 2 quả cầu đen. Chọn ngẫu nhiên 6 quả cầu. Tính xác suất để chọn được 3 quả trắng, 2 quả đỏ và 1 quả đen.

Câu 42. Chọn ngẫu nhiên một số nguyên dương có ba chữ số:
a. Hãy mô tả không gian mẫu.
b. Tính xác suất biến cố "Số được chọn là lập phương của một số nguyên".
c. Tính xác suất của biến cố "Số được chọn chia hết cho 5".

Câu 43. Gieo bốn đồng xu cân đối và đồng chất. Xác định biến cố đối của mỗi biến cố sau và tính xác suất của nó.
a. "Xuất hiện ít nhất ba mặt sấp";
b. "Xuất hiện ít nhất một mặt ngửa".

Câu 44. Gieo ba con xúc xắc cân đối và đồng chất. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
a. "Tổng số chấm xuất hiện nhỏ hơn 5";
b. "Tích số chấm xuất hiện chia hết cho 5"

Câu 45. Hộp thứ nhất chứa 4 viên bi xanh, 3 viên bi đỏ. Hộp thứ hai chứa 5 viên bi xanh, 2 viên bi đỏ. Các viên có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ra ngẫu nhiên từ mỗi hộp 2 viên bi. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
a. "Bốn viên bi lấy ra có cùng màu";
b. "Trong 4 viên bi lấy ra có đúng 1 viên bi xanh";
c. "Trong 4 viên bi lấy ra có đủ cả bi xanh và bi đỏ".

Câu 46. Một nhóm học sinh được chia vào 4 tổ, mỗi tổ có 3 học sinh. Chọn ra ngẫu nhiên từ nhóm đó 4 học sinh. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
a. "Bốn bạn thuộc 4 tổ khác nhau";
b. "Bốn bạn thuộc 2 tổ khác nhau".

Câu 47. Một cơ thể có kiểu gen là AaBbDdEe, các cặp alen nằm trên các cặp nhiễm sắc thể tương đồng khác nhau. Chọn ngẫu nhiên một giao tử của cơ thể sau khi giảm phân. Giả sử tất cả các giao tử sinh ra có sức sống như nhau. Tính xác suất để giao tử được chọn mang đầy đủ các alen trội.

Câu 48. Sắp xếp 5 tấm thẻ cùng loại được đánh số từ 1 đến 5 một cách ngẫu nhiên để tạo thành một số tự nhiên a có 5 chữ số. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

a. "a là số chẵn";
b. "a chia hết cho 5 ";
c. "$a \geq 32000$ ";
d. "Trong các chứ số của a không có 2 chữ số lẻ nào đứng cạnh nhau".

Câu 49. Lớp $10A$ có 20 bạn nữ, 25 bạn nam. Lớp $10B$ có 24 bạn nữ, 21 bạn nam. Chọn ngẫu nhiên từ mỗi lớp ra hai bạn đi tập văn nghệ. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
a. "Trong 4 bạn được chọn có ít nhất 1 bạn nam";
b. "Trong 4 bạn được chọn có đủ cả nam và nữ".

Câu 50. Trong hộp có 5 bóng xanh, 6 bóng đỏ và 2 bóng vàng. Các bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy 2 bóng từ hộp, xem màu, trả lại hộp rồi lại lấy tiếp 1 bóng nữa từ hộp. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
a. "Ba bóng lấy ra cùng màu";
b. "Bóng lấy ra lần 2 là bóng xanh";
c. "Ba bóng lấy ra có 3 màu khác nhau".

Câu 51. Trên bàn có một tấm bìa hình tròn được chia thành 10 hình quạt bằng nhau và được đánh số từ 1 đến 10 như Hình 1. Cường quay mũi tên ở tâm 3 lần và quan sát xem khi mỗi lần dừng lại nó chỉ vào ô số mấy. Tính xác suất của các biến cố sau:

Hình 1

A: "Cả 3 lần mũi tên đều chỉ vào ô ghi số lẻ";
B: "Tích 3 số mũi tên chỉ vào là số chia hết cho 5".

Câu 52. Mật khẩu mở máy tính của An gồm 8 kí tự, trong đó 2 kí tự đầu là chữ số, 6 kí tự sau là các chữ cái thuộc tập hợp $\{A;B;C;D\}$. Không may An quên mất 3 kí tự đầu tiên. An chọn ra 2 chữ số và một chữ cái thuộc tập hợp trên một cách ngẫu nhiên và thử mở máy tính. Tính xác suất để An mở được máy tính.

Câu 53. Tổ 3 có 6 bạn là Hoà, Hiền, Hiệp, Hương, Thành và Khánh. Chọn ngẫu nhiên 2 bạn trong tổ. Hãy tính xác suất của các biến cố:
A: "Tên của hai bạn được chọn đều bắt đầu bằng chữ cái H ";
B: "Tên của ít nhất một bạn được chọn có chứa dấu huyền";
C: "Hoà được chọn còn Hiền không được chọn".

Câu 54. Một hộp có 5 lá thăm cùng loại được đánh số $2;4;6;8;10$. Lấy ra ngẫu nhiên từ hộp 2 lá thăm. Tính xác suất của các biến cố sau:
A: "Tổng các số ghi trên hai lá thăm bằng 11 ";
B: "Tích các số ghi trên hai lá thăm là số tròn chục".

Câu 55. Doanh nghiệp A chọn ngẫu nhiên 2 tháng trong năm 2020 để tri ân khách hàng. Doanh nghiệp B cũng chọn ngẫu nhiên 1 tháng trong năm đó để tri ân khách hàng. Tính xác suất của biến cố "Hai doanh nghiệp tri ân khách hàng cùng một tháng trong năm".

Câu 56. Lớp học của hai bạn Hà và Giang có 32 học sinh. Cô giáo chia các bạn vào 4 tổ, mỗi tổ có 8 học sinh một cách ngẫu nhiên. Tính xác suất của các biến cố "Hà và Giang được xếp ở hai tổ khác nhau".

Câu 57. Một hộp chứa 2 quả bóng xanh và một số quả bóng trắng. Lấy ra ngẫu nhiên 2 quả bóng từ hộp. Biết rằng xác suất chọn được 2 quả bóng khác màu là $\frac{10}{21}$.
a) Tính xác suất 2 quả bóng lấy ra có cùng màu.
b) Hỏi trong hộp có bao nhiêu quả bóng?

Câu 58. Một hội thảo quốc tế gồm 12 học sinh đến từ các nước: Việt Nam, Nhật Bản, Singapore, Ấn Độ, Hàn Quốc, Brasil, Canada, Tây Ban Nha, Đức, Pháp, Nam Phi, Cameroon, mỗi nước chỉ có đúng một học sinh. Chọn ra ngẫu nhiên 2 học sinh trong nhóm học sinh quốc tế để tham gia ban tổ chức.

Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

a) A : "Hai học sinh được chọn ra đến từ châu Á";

b) B: "Hai học sinh được chọn ra đến từ châu Âu";

c) C: "Hai học sinh được chọn ra đến từ châu Mĩ";

d) D : "Hai học sinh được chọn ra đến từ châu Phi"".

Câu 59. Trong một trò chơi, bạn Hằng ghi tên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam (tính đến năm 2021) vào 63 phiếu, hai phiếu khác nhau ghi tên hai nơi khác nhau, rồi bỏ tất cả các phiếu đó vào một hộp kín. Bạn Hoài rút ngẫu nhiên 2 phiếu. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

a) A : "Hai phiếu rút được ghi tên hai nơi bắt đầu bằng âm tiết Hà";

b) B : "Hai phiếu rút được ghi tên hai nơi bắt đầu bằng chữ K ";

c) C : "Hai phiếu rút được ghi tên hai nơi bắt đầu bằng chữ B ".

Câu 60. Một đội thanh niên tình nguyện gồm 27 người đến từ các tỉnh (thành phố): Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau; mỗi tỉnh chỉ có đúng một thành viên của đội.

Chọn ngẫu nhiên 3 thành viên của đội để phân công nhiệm vụ trước. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

a) A : "Ba thành viên được chọn đến từ Tây Nguyên".

b) B : "Ba thành viên được chọn đến từ Duyên hải Nam Trung Bộ".

c) C : "Ba thành viên được chọn đến từ Đông Nam Bộ".

d) D : "Ba thành viên được chọn đến từ Đồng bằng sông Cửu Long".

Câu 61. Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1,2, 3,4, 5; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ được rút ra và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Xét phép thử "Rút ngẫu nhiên liên tiếp 3 chiếc thẻ trong hộp".

Tính xác suất của biến cố A : "Tích các số ghi trên thẻ ở 3 lần rút là số chẵn"".

Câu 62. Có 3 khách hàng (không quen biết nhau) cùng đến một cửa hàng có 5 quầy phục vụ khác nhau. Tính xác suất để có 2 khách hàng cùng vào một quầy và khách hàng còn lại vào một quầy khác.